

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 3 - 2020

“Về việc ly hôn, con chung”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Trí

Bà Lữ Phúc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bé Nh, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cái Chim, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cái Chim, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 và lời trình bày của nguyên đơn là anh Nguyễn Bé Nh trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nh và chị H tổ chức đám cưới năm 2000 không có đăng ký kết hôn. Anh Nh và chị H sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2015 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống thường cự cãi nhau về công việc gia đình, từ đó anh và chị H ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Anh Nh xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên anh Nh yêu cầu xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Luyến trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 04/10/2001 và Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 30/7/2007. Khi ly hôn anh Nh yêu cầu nguyện vọng của Nguyễn Khánh Băng sống ai

thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Hoàng Khang đã trưởng thành nếu sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Nh trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Nh trình bày vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Hồng H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị H biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 của anh Nh nhưng chị H không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập H lệ chị H để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị H không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh Nh. Tòa án triệu tập xét xử H lệ lần thứ hai chị H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Hồng H có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Nguyễn Bé Nh khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Hồng H và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh và chị H tổ chức đám cưới năm 2000 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh Nh và chị H không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh Nh và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nh trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 04/10/2001 và Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 30/7/2007. Anh Nh yêu cầu nguyện vọng của Nguyễn Khánh Băng sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Hoàng Khang đã trưởng thành nếu sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Nh. Xét thấy, anh Nh và chị H sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay thời gian dài và Nguyễn Khánh Băng đã sống với anh Nh ổn định về tinh thần, cũng như các điều kiện khác. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2020 của cháu Nguyễn Khánh Băng thì nguyện vọng được sống với anh Nh. Do đó, tiếp tục giao Nguyễn Khánh Băng cho anh Nh chăm sóc, nuôi dưỡng là phù H, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Hoàng Khang đã trưởng thành, nếu sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Anh Nh trình bày không có tài sản chung không yêu cầu, chị H không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Nh thống nhất vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nh phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Bé Nh và chị Nguyễn Hồng H là vợ chồng.

- Về con: Tiếp tục giao Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 30/7/2007 cho anh Nguyễn Bé Nh chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nh phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Nh có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000

đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004916 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường H Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị H được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Trần Thới;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính